

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

Bản án số: 64/2023/HS-ST

Ngày: 06-12-2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thanh Nhân.

Ông Thạch Thanh Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Ươn – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Cầm – Kiểm sát viên.

- Hỗ trợ phiên tòa trực tuyến tại điểm cầu thành phần: Ông Nguyễn Tấn Đ – Chuyên viên Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Ngày 06 tháng 12 năm 2023, tại hai điểm cầu: Điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long và điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, Tòa án nhân dân huyện Càng Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 68/2023/TLST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2023 đối với

- Bị cáo: Nguyễn Hữu T, sinh ngày: 21-6-2005, tại: tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1975 và bà Bùi Thị Ngọc D, sinh năm 1979; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 18-8-2023 cho đến nay (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Trần Thị H – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T (*Có mặt*).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1- Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1968 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*);

2- Ông Nguyễn Văn Út E, sinh năm: 1975 (*Vắng mặt*);

3- Bà Nguyễn Thị Út N, sinh năm: 1968 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*);

- 4- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1975 (*Có mặt*);
5- Ông Trần Văn T1, sinh năm: 1979 (*Có mặt*);
6- Ông Nguyễn Văn Ô, sinh năm: 1977 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*);
Cùng nơi cư trú: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
7- Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1968 (*Vắng mặt*).
Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 50 phút ngày 27-4-2023, bị cáo Nguyễn Hữu T điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 84F5 - 8785 (không giấy phép lái xe) lưu thông trên đường nhựa nông thôn theo hướng từ ấp T đi ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Khi đến đoạn thuộc địa phận ấp N thì đụng vào người ông Nguyễn Văn Út A, sinh năm 1970, nơi cư trú ấp N, xã T đang nằm trên đường nhựa bên trái hướng đi. Tai nạn xảy ra, ông Út A tử vong tại hiện trường, bị cáo T bị xây xát nhẹ.

Sau tai nạn xảy ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C chủ trì khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện và kiểm tra nồng độ cồn của những người tham gia giao thông. Kết quả kiểm tra bị cáo T là 0,0miligam/lít khí thở, âm tính với chất ma túy.

Ngày 28-4-2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra quyết định trưng cầu giám định khám nghiệm pháp y về tử thi. Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 298/KLGĐTT-KTHS ngày 11-5-2023 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Nguyên nhân chính dẫn đến ông Nguyễn Văn Út A tử vong là do đa chấn thương.

Ngày 11-7-2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra quyết định trưng cầu giám định nồng độ cồn trong máu của ông Nguyễn Văn Út A. Tại bản kết luận giám định số 546/KL-KTHS ngày 31-7-2023 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Mẫu máu đựng trong ống nhựa thu từ tử thi Nguyễn Văn Út A được niêm phong gửi giám định có tìm thấy thành phần E1 (cồn). Nồng độ E1 là 249,31mg/100ml máu.

Ngày 11-7-2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra quyết định trưng cầu giám định tuổi của Nguyễn Hữu T. Tại bản kết luận giám định độ tuổi trên người sống số 4612/KLGĐĐT-C09B ngày 21-7-2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Qua quá trình giám định, kết quả cận lâm sàng, xác định tại thời điểm giám định (tháng 7 năm 2023) Nguyễn Hữu T có độ tuổi từ 17 năm 09 tháng đến 18 năm 03 tháng.

- Tại biên bản khám nghiệm hiện trường, bản kết luận lỗi trong vụ tai nạn giao thông ghi nhận:

Nơi xảy ra tai nạn là đoạn đường thẳng, không có dải phân cách, không có vạch kẻ đường, mặt đường làm bằng bê tông nhựa phẳng, thẳng, rộng 2,5m; Chọn

mép đường bên phải theo hướng từ áp N đi áp T làm chuẩn; Lấy trụ điện số 3 làm điểm mốc cố định tại hiện trường.

Lỗi và nguyên nhân của vụ tai nạn giao thông: Căn cứ kết quả khám nghiệm hiện trường, dựng lại hiện trường, kết quả khám nghiệm phương tiện cùng toàn bộ tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ xác định: Vùng va chạm giữa xe mô tô mang biển kiểm soát 84F5 - 8785 do bị cáo T điều khiển với ông Nguyễn Văn Út A là phần đường bên trái hướng đi của xe mô tô do bị cáo T điều khiển, tâm của vùng va chạm cách lề chuẩn là 0,75m, cách đầu vết cày xe mô tô mang biển kiểm soát 84F5 - 8785 là 08m, cách điểm mốc cố định là 21,4m.

Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tai nạn giao thông là do bị cáo T điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 84F5 - 8785 tham gia giao thông đi không đúng phần đường quy định và không chú ý quan sát dẫn đến tai nạn giao thông, vi phạm khoản 1 Điều 9 và điểm e khoản 3 Điều 30 Luật Giao thông đường bộ năm 2008; Đồng thời, bị cáo T điều khiển xe mô tô tham gia giao thông không có giấy phép lái xe theo quy định, vi phạm khoản 9 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ năm 2008; Xe không có đèn chiếu sáng gần, xa, điều khiển xe mô tô không có giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực, không làm thủ tục đăng ký sang tên xe (để chuyển tên chủ xe trong giấy đăng ký sang tên mình) theo quy định khi mua xe mô tô, vi phạm điểm e khoản 1 Điều 17, điểm a khoản 2 Điều 21 và điểm a khoản 4 Điều 30 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30-12-2019 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28-12-2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.

Đối với ông Nguyễn Văn Út A: Sau khi sử dụng rượu bia nằm trên đường gây nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ và gây cản trở cho người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ, vi phạm khoản 23 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 và điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30-12-2019 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28-12-2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt. Đây là nguyên nhân góp phần gây ra vụ tai nạn giao thông.

- Về vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C thu giữ: Một xe mô tô mang biển kiểm soát 84F5 - 8785, bị hư hỏng do tai nạn giao thông; Pin và vỏ điện thoại di động.

Quá trình điều tra, bị cáo T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại Bản cáo trạng số 63/CT-VKS-HS ngày 15-11-2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo T có mặt giữ nguyên lời khai có trong hồ sơ vụ án, khai nhận hành vi phạm tội đúng như đã nêu trong Bản cáo trạng; Bị cáo xin được nhận lại xe mô tô biển số 84F5 - 8785 bị hư hỏng do tai nạn giao thông; Đối

với pin và vỏ điện thoại di động, bị cáo xác định là tài sản của bị cáo nhưng không còn sử dụng được, nên đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng này theo quy định pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông Nguyễn Văn C, Trần Văn T1 có mặt giữ nguyên lời khai có trong hồ sơ vụ án. Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn Út E, Nguyễn Văn Ô, Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Út N do vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Về tình tiết tăng nặng: Không có; Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự; bị cáo có tác động người thân khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại số tiền 10.000.000 đồng; gia đình bị hại có đơn xin bãi nại đối với bị cáo; bị hại có một phần lỗi trong vụ tai nạn; thời điểm phạm tội bị cáo chưa thành niên nên nhận thức pháp luật còn có hạn chế. Từ đó, Vị Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các Điều 38, 54, 91, 101 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, thời hạn phạt tù được tính từ ngày 18-8-2023. Về trách nhiệm dân sự: Giữa gia đình bị hại với bị cáo đã tự thỏa thuận giải quyết xong, không yêu cầu gì thêm, nên không xem xét. Ngoài ra, V còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc bị cáo T chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo trình bày: Vị hoàn toàn thống nhất hành vi và tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Hữu T; Thống nhất với quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Ngoài ra, Vị bổ sung đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là: Phạm tội do lỗi vô ý; đã ăn năn hối hận về hành vi phạm tội; trình độ học vấn thấp, phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, nên nhận thức pháp luật còn có hạn chế. Do bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên V đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, áp dụng quy định tại Điều 54 Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt mức thấp nhất theo mức phạt đề nghị của Vị Kiểm sát viên.

Qua quan điểm của V đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa, bị cáo và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã tranh luận đối đáp với nhau, sau cùng mỗi người giữ nguyên quan điểm, ý kiến đã trình bày.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Hữu T trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là: Bị cáo đã ăn năn hối hận về hành vi vi phạm pháp luật của mình, bị cáo

xin lỗi gia đình bị hại và xin Hội đồng xét xử xem nhẹ giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, Vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn Út E, bà Nguyễn Thị Út N, ông Nguyễn Văn Ó, ông Nguyễn Văn T2 vắng mặt nhưng các đương sự đã có lời khai rõ ràng tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C có trong hồ sơ vụ án. Xét việc vắng mặt các đương sự này không gây cản trở cho việc xét xử, nên căn cứ quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hữu T khai nhận: Khoảng 22 giờ 50 phút ngày 27-4-2023, bị cáo đã điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 84F5 - 8785 (không có giấy phép lái xe) lưu thông trên đường nhựa nông thôn theo hướng từ ấp T đi ấp N, xã T, huyện C, tỉnh T. Khi đến đoạn thuộc địa phận ấp N, do đi không đúng phần đường quy định và không chú ý quan sát, nên đã đụng vào người ông Nguyễn Văn Út A đang nằm trên đường nhựa bên trái hướng đi. Tai nạn xảy ra, ông Út A tử vong tại hiện trường. Lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, bản kết luận lỗi trong vụ tai nạn giao thông và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và vật chứng đã thu giữ.

[3] Xét thấy Bản cáo trạng số 63/CT-VKS-HS ngày 15-11-2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Hữu T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự là phù hợp quy định pháp luật, không oan, không sai.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Hữu T là nguy hiểm cho xã hội. Bởi lẽ, đã xâm phạm đến tính mạng con người được pháp luật bảo vệ, gây đau thương mất mát không gì bù đắp được cho gia đình bị hại. Bị cáo biết khi điều khiển xe mô tô tham gia giao thông đường bộ phải có giấy phép lái xe theo quy định, phải chú ý quan sát khi tham gia giao thông, xe phải có giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự còn hiệu lực và phải có giấy đăng ký xe, nhưng bị cáo vẫn điều khiển xe khi không có giấy phép, đi không đúng phần đường quy định, không có giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự, chưa làm thủ tục đăng ký sang tên xe (để

chuyển tên chủ xe trong giấy đăng ký sang tên mình). Hậu quả tai nạn xảy ra, làm cho bị hại tử vong.

[5] Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, đã ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Nhất là trong thời điểm hiện nay, cả nước đang tăng cường công tác đảm bảo an toàn giao thông đường bộ. Nền hành vi của bị cáo đã thể hiện sự xem thường pháp luật. Do đó, để góp phần ổn định trật tự trị an tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm, Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải xử bị cáo hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo và tính chất của vụ án, mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo; đồng thời để răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[6] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Hữu T, Hội đồng xét xử cũng đã xem xét: Bị cáo khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, nhận thức chưa đầy đủ; Cha mẹ bị cáo đã ly hôn lúc bị cáo còn nhỏ, nên thiếu sự quan tâm, giáo dục từ gia đình; Sau khi phạm tội, bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo có tác động người thân khắc phục, bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại số tiền 10.000.000 đồng và gia đình bị hại có đơn xin bãi nại đối với bị cáo; Bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự; Hoàn cảnh gia đình có khó khăn; Bị hại có một phần lỗi trong vụ án. Đây là những căn cứ để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Giữa bị cáo và gia đình bị hại đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về tổng các khoản chi phí trách nhiệm dân sự mà bị cáo phải bồi thường cho gia đình bị hại số tiền là 10.000.000 đồng, ông Trần Văn T1 đã thay bị cáo bồi thường xong số tiền này cho gia đình bị hại. Phía gia đình bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm; Ông T1 không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã bồi thường thay, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[8] Về vật chứng của vụ án: Đối với xe mô tô mang biển kiểm soát 84F5 - 8785, bị hư hỏng do tai nạn giao thông, đây là tài sản của bị cáo T, do bị cáo đã bồi thường thiệt hại xong cho gia đình bị hại, bị cáo có yêu cầu nhận lại xe, nên giao trả xe mô tô này lại cho bị cáo. Đối với pin và vỏ điện thoại di động là tài sản của bị cáo T, không còn giá trị sử dụng, bị cáo không yêu cầu nhận lại mà đề nghị xử lý theo luật định, nên tịch thu và tiêu hủy.

[9] Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Hữu T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện của bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Đồng thời tất cả thống nhất với bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 298/KLGĐTT-KTHS ngày 11-5-2023 của Phòng K Công an tỉnh T, bản kết luận giám định độ tuổi trên người sống số 4612/KLGĐĐT-C09B ngày 21-7-2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản kết luận lỗi trong vụ tai nạn giao thông. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[11] Từ những nhận định trên, quan điểm đề nghị của Vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp luật định, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Đối với quan điểm của người bào chữa cho bị cáo phù hợp quy định pháp luật, có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

- Căn cứ vào các Điều 45, 260, 268, 269, 299 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các Điều 54, 91 và 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 02 (Hai) năm 06 (S) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 18-8-2023.

2. Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Giao trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu T: 01 (Một) xe mô tô mang biển kiểm soát 84F5 - 8785, bị hư hỏng do tai nạn giao thông.

Tịch thu và tiêu hủy: Pin và vỏ điện thoại di động.

3. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu T nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho bị cáo và người tham gia tố tụng biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do

chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Thảo